Số: 2454/QĐ-SYT
Thời gian ký: 22/08/2025 14:48:29 +07:00

Đơn vị: Văn phòng Sở Y tế
Mã số QHNS: 1072082

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2025 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai)

STT	Nội dung	Tổng cộng	Ghi chú
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí**	**33.734.561.607**	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**0**	
I	**Chi hành chính nhà nước**	0	
1	**Dự toán được giao**	**8.753.040.715**	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.800.098.005	
-	Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương	4.800.098.005	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.952.942.710	
-	Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện CTMT quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024- 10477	26.569.210	
-	Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện CTMT quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 - 10502	32.453.420	
-	Trang phục thanh tra	1.284.400	
-	Hợp tác truyền thông với các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025	195.200.000	
-	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế	181.000	
-	Thay thế thiết bị tường lửa, duy trì bản quyền phần mềm bảo mật cho máy chủ, phần mềm sao lưu	308.000.000	
-	Mua sắm máy tính phục vụ cơ quan	150.000.000	
-	Sửa chữa ô tô, mua sắm ô tô	264.880.000	
-	Sữa chữa nhà làm việc, hội trường và các hạng mục phụ	2.500.000.000	
-	Quỹ tiền thưởng	450.239.680	
-	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo NĐ 178/2024/NĐ-CP	24.135.000	
2	**Dự toán bị khấu trừ**	**493.000.000**	
a	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	493.000.000	
3	**Dự toán đơn vị được rút tại KBNN**	**8.260.040.715**	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.669.098.005	
-	Kinh phí thực hiện chi tiền lương và hoạt động thường xuyên; Kinh phí để thực hiện các công việc thừa hành, phục vụ	4.669.098.005	
+	Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương	4.669.098.005	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.590.942.710	
-	Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện CTMT quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024- 10477	26.569.210	
-	Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện CTMT quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 - 10502	32.453.420	
-	Trang phục thanh tra	1.284.400	
-	Hợp tác truyền thông với các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025	157.200.000	
-	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế	181.000	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Ghi chú
-	Thay thế thiết bị tường lửa, duy trì bản quyền phần mềm bảo mật cho máy chủ, phần mềm sao lưu	277.000.000	
-	Mua sắm máy tính phục vụ cơ quan	135.000.000	
-	Sửa chữa ô tô, mua sắm ô tô	236.880.000	
-	Sữa chữa nhà làm việc, hội trường và các hạng mục phụ	2.250.000.000	
-	Quỹ tiền thưởng	450.239.680	
-	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo NĐ 178/2024/NĐ-CP	24.135.000	
II	**Chi sự nghiệp kinh tế**		
1	**Dự toán được giao**	**1.128.695.660**	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.128.695.660	
-	Chi phục vụ công tác xử phạt vi phạm HC	204.458.300	
+	Phân bổ vốn sự nghiệp CTMT quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi	848.708.360	
	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Nguồn địa phương)	604.000.000	
	Dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	244.708.360	
	+ Nguồn Trung ương	223.708.360	
	+ Nguồn Địa phương	21.000.000	
+	Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện CTMT quốc gia giảm nghèo bền vững	75.529.000	
	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Nguồn địa phương)-20473	71.000.000	
	Dự án 7, tiểu DA 2: Giám sát, đánh giá	4.529.000	
	+ Nguồn Địa phương	4.529.000	
2	**Dự toán bị khấu trừ**	21.000.000	
a	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	21.000.000	
b	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm của dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024	0	
3	**Dự toán đơn vị được rút tại KBNN**	**1.107.695.660**	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.107.695.660	
	Chi phục vụ công tác xử phạt vi phạm HC	183.458.300	
+	Phân bổ vốn sự nghiệp CTMT quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi	848.708.360	
	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Nguồn địa phương) - 20517	604.000.000	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Ghi chú
	Dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	244.708.360	
	+ Nguồn TW - 10521	244.708.360	
+	Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện CTMT quốc gia giảm nghèo bền vững	75.529.000	
	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Nguồn địa phương)-20473	71.000.000	
	Dự án 7, tiểu DA 2: Giám sát, đánh giá	4.529.000	
	. Nguồn Địa phương - 20477	4.529.000	
III	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	0	
1	**Dự toán được giao**	**23.259.151.732**	
1.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	0	
1.2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	23.259.151.732	
a	KP thực hiện tự chủ tài chính	0	
b	KP không thực hiện tự chủ tài chính	23.259.151.732	
-	Mua sắm, sửa chữa ngành y tế	727.000.000	
+	Kinh phí chuyển đổi số	727.000.000	
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn ngành	12.242.551.732	
+	Kinh phí tinh giản biên chế	2.390.479.000	
+	SN ngành y tế (đã bao gồm chi cho công tác thu phí)	1.740.237.412	
+	Tổ chức chào mừng 70 năm ngày Thầy thuốc VN (27/02/1955-27/02/2025	144.135.320	
+	Phân bổ vốn sự nghiệp CTMT quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi	7.260.700.000	
	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Nguồn địa phương) - 20517	421.000.000	
	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Nguồn TW) - 10517	6.839.700.000	
	Dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	0	
	. Nguồn Trung ương- 10521	0	
	. Nguồn Địa phương - 20521	0	
+	Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện CTMT quốc gia giảm nghèo bền vững	707.000.000	
	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Nguồn TW)-10473	707.000.000	
-	Các chế độ, chính sách ngành y tế	10.289.600.000	
+	Kinh phí thực hiện Nghị quyết quy định chính sách đãi ngộ, thu hút và đào tạo phát triển nguồn nhân lực y tế công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030	10.289.600.000	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Ghi chú
2	**Dự toán bị khấu trừ**	**409.000.000**	
a	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	409.000.000	
3	**Dự toán đơn vị được rút tại KBNN**	**22.850.151.732**	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	
b	KP không thực hiện tự chủ tài chính	12.560.551.732	
-	Mua sắm, sửa chữa ngành y tế	654.000.000	
+	Kinh phí chuyển đổi số	654.000.000	
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn ngành	11.906.551.732	
+	Kinh phí tinh giản biên chế	2.390.479.000	
+	SN ngành y tế (đã bao gồm chi cho công tác thu phí)	1.440.237.412	
+	Tổ chức chào mừng 70 năm ngày Thầy thuốc VN (27/02/1955-27/02/2025	108.135.320	
+	Phân bổ vốn sự nghiệp CTMT quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi	7.260.700.000	
	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Nguồn địa phương)	421.000.000	
	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Nguồn TW)	6.839.700.000	
	Dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	0	
	. Nguồn Trung ương	0	
	. Nguồn Địa phương	0	
+	Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện CTMT quốc gia giảm nghèo bền vững	707.000.000	
	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Nguồn TW)-10473	707.000.000	
-	Các chế độ, chính sách ngành y tế	10.289.600.000	
+	Kinh phí thực hiện Nghị quyết quy định chính sách đãi ngộ, thu hút và đào tạo phát triển nguồn nhân lực y tế công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030	10.289.600.000	
IV	**Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin**	**0**	
V	**Chi bảo đảm xã hội**		
1	**Dự toán được giao**	**593.673.500**	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	593.673.500	
-	Chi nghiệp vụ	593.673.500	
+	Phòng chống tệ nạn xã hội	121.000.000	
+	Kinh phí hoạt động cho công tác người cao tuổi	143.773.500	
+	Phòng chống tai nạn thương tích	48.000.000	
+	Chương trình hành động quốc gia vì TE	117.900.000	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Ghi chú
+	Duy trì hoạt động của văn phòng tư vấn TE cấp huyện tại Mang Yang và Chư Sê	14.000.000	
+	Phòng ngừa giảm thiểu LĐ trẻ em	72.000.000	
+	Thực hiện đề án vận động nguồn lực xã hội TE tại các xã ĐBKK và MN	27.000.000	
+	Chi bảo đảm xã hội khác	50.000.000	
2	**Dự toán bị khấu trừ**	0	
3	**Dự toán đơn vị được rút tại KBNN**	**593.673.500**	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	593.673.500	
-	Chi nghiệp vụ	593.673.500	
+	Phòng chống tệ nạn xã hội	121.000.000	
+	Kinh phí hoạt động cho công tác người cao tuổi	143.773.500	
+	Phòng chống tai nạn thương tích	48.000.000	
+	Chương trình hành động quốc gia vì TE	117.900.000	
+	Duy trì hoạt động của văn phòng tư vấn TE cấp huyện tại Mang Yang và Chư Sê	14.000.000	
+	Phòng ngừa giảm thiểu LĐ trẻ em	72.000.000	
+	Thực hiện đề án vận động nguồn lực xã hội TE tại các xã ĐBKK và MN	27.000.000	
+	Chi bảo đảm xã hội khác	50.000.000	